

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

Lô 6 – 8 – 10 – 12, đường số 3, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, Tp.HCM



TẬP ĐOÀN VĂN PHÒNG PHẨM SỐ 1 VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2011

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

MỤC LỤC

I.	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
II.	TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	4
2.1	Hình thành và phát triển	4
2.2	Sứ mệnh và giá trị cốt lõi	6
2.3	Những thành quả giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu	6
2.4	Hoạt động cộng đồng	7
2.5	Định hướng chiến lược phát triển	9
a.	Phát triển thị trường	9
b.	Tiếp thị	10
c.	Đầu tư	10
d.	Quản lý, kiểm soát	10
e.	Công nghệ	10
f.	Phát triển nguồn nhân lực	10
III.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
IV.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
4.1	Phân tích các hoạt động	12
	Tăng trưởng doanh thu	13
	Lãi gộp	16
	Lợi nhuận	16
	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	16
	Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu	17
4.2	Hệ thống phân phối trong và ngoài nước	17
	Hệ thống phân phối trong nước	17
	Thị trường xuất khẩu	18
	Những yếu tố thuận lợi và khó khăn	18
V.	BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC	20
5.1	Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý	20
5.2	Nguồn nhân lực	23
VI.	THÔNG TIN CỔ PHẦN	25
	Các thông tin về cổ phiếu (tính đến ngày 12/04/2012)	25
	Thông tin về cổ tức	25
	Cơ cấu cổ đông của Công ty	25
	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tập Đoàn	26
	Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội đồng Quản trị	27
	Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	28

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Kiểm soát	29
VII. CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	30
7.1 Các công ty con	30
7.2 Các công ty liên quan	31
7.3 Các văn phòng đại diện	31
VIII. BÁO CÁO QUẢN TRỊ	32
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	32
Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành	32
Hoạt động của Ban Kiểm soát	32
Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty	32
IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị Tập Đoàn Thiên Long, tôi xin được gửi tới toàn thể cán bộ công nhân viên, quý khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước và các cổ đông lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc vì sự hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ chân thành của Quý Vị đã dành cho Thiên Long trong nhiều năm qua.

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn và thách thức của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tỷ lệ lạm phát hai con số, lãi suất cho vay tăng cao cùng với sự biến động không ngừng của tỷ giá đồng Việt Nam và đô la Mỹ đã làm cho không ít doanh nghiệp Việt Nam phải đình đốn sản xuất hoặc đi đến phá sản.

Tập Đoàn Thiên Long chúng ta đã trải qua 30 năm phát triển. Đây là cơ sở vững chắc để chứng minh cho sự phát triển ổn định của Thiên Long trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bút viết và văn phòng phẩm. Chính vì vậy, tuy có nhiều khó khăn nêu trên song dưới sự lãnh đạo và phối hợp nhịp nhàng của Ban Điều Hành, sự nỗ lực và đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên, Tập Đoàn Thiên Long đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

1. Doanh thu và lợi nhuận năm 2011 tăng cao so với năm 2010. Đặc biệt, thị phần trong và ngoài nước đều được mở rộng nhanh chóng;
2. Tập Đoàn Thiên Long đã có thêm một công ty do Tập Đoàn sở hữu 100% vốn chuyên hoạt động sản xuất và thương mại. Đó là Công ty Thiên Long Long Thành;
3. Năng lực sản xuất của Tập Đoàn đã được nâng cao thông qua việc đầu tư mở rộng hai nhà xưởng tại Tập đoàn và tại công ty Thiên Long Long Thành;
4. Thiên Long đạt “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng văn phòng phẩm tại Việt Nam năm 2010” do Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam cấp và giải vàng giải thưởng Chất Lượng Quốc Gia năm 2011 do Thủ Tướng Chính phủ trao tặng;
5. Công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên đã được duy trì ổn định trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế.

Mặc dù tình hình kinh tế năm 2012 được dự báo sẽ vẫn còn nhiều khó khăn và phức tạp, nhưng với những kết quả tích cực đạt được trong năm 2011, tôi tin rằng Tập Đoàn Thiên Long có đủ cơ sở để tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định trong năm 2012, tạo tiền đề để chúng ta thực hiện thành công mục tiêu chiến lược 5 năm (2010-2014) của Thiên Long: Trở thành tập đoàn văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á!

II. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

2.1 Hình thành và phát triển

Năm 1981, Thiên Long ra đời với các sản phẩm bút bi đầu tiên. Mười năm sau, Thiên Long mở rộng thị trường bút viết trong cả nước. Năm 2001, sản phẩm Mỹ Thuật, Học CỤ và Dụng CỤ Văn Phòng do Thiên Long sản xuất đã chiếm được lòng tin yêu của người tiêu dùng.

Tháng 03 năm 2005, Công ty TNHH SX-TM Thiên Long chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SX-TM Thiên Long với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Trong năm 2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 120 tỷ đồng và vào năm 2008, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên thành 155 tỷ đồng với tên gọi mới là Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thiên Long.

Ngày 26 tháng 03 năm 2010, cổ phiếu của TLG đã chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

30 năm kể từ ngày thành lập 20/11/1981, Thiên Long đã trở thành tập đoàn văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và hàng đầu khu vực với 6 công ty hùng mạnh: (1) Công ty Tập Đoàn Thiên Long, (2) Công ty Thiên Long Long Thành, (3) Công ty Thiên Long Hoàn Cầu, (4) Công ty Tân Lực Miền Nam, (5) Công ty Tân Lực Miền Bắc, (6) Công ty Tân Lực Miền Tây và các văn phòng đại diện tại Trung Quốc, Thái Lan và Đông Dương.

Đầu tư công nghệ sản xuất

Với phương châm cạnh tranh bằng chất lượng sản phẩm, Tập Đoàn Thiên Long luôn chú trọng việc đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng và hiện đang sở hữu máy ép nhựa, máy ráp bút,... được nhập từ các nước có nền công nghệ cao như Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...

Tập Đoàn Thiên Long đã và đang đầu tư rất mạnh vào hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của mình nhằm tạo ra những sản phẩm luôn có mẫu mã mới, chất lượng tốt với nhiều tiện ích đặc biệt.

Bên cạnh đó, Thiên Long còn triển khai ứng dụng hệ thống ERP - SAP nhằm nâng cao hiệu quả làm việc toàn Tập Đoàn, tiết kiệm chi phí hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh và mang lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp để bảo đảm người tiêu dùng tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới luôn có trong tay một sản phẩm đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, an toàn cho sức khỏe. Hệ thống sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn Thiên Long đang được vận hành theo hệ thống quản lý tích hợp với 5 tiêu chí quản lý quốc tế ISO 9001 (quản lý chất lượng), ISO 14001 (quản lý môi trường), OHSAS 18001 (quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp), SA 8000 (trách nhiệm xã hội) và ISO 17025 (kiểm soát phòng thí nghiệm). Song song với 5 tiêu chí này, Tập Đoàn còn áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật tạo môi trường làm việc an

toàn và thoải mái cho CBCNV trong nhiều năm qua. Đó là hệ thống xử lý khí tươi được trang bị tại 2 nhà máy trực thuộc Tập Đoàn và Công ty Thiên Long Long Thành, không gây ô nhiễm môi trường, hệ thống xử lý nước thải đúng tiêu chuẩn quy định,...

Phát triển nguồn nhân lực

Tập Đoàn Thiên Long đã không ngừng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý hiện hữu đồng thời áp dụng các chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nguồn lực cấp cao bên ngoài, kiện toàn đội ngũ quản lý, điều hành, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Tập Đoàn. Hiện tại, Ban Quản lý cấp cao của công ty được đào tạo bài bản trong và ngoài nước và có kinh nghiệm phù hợp với vị trí công tác. Song song đó, công ty cũng có được đội ngũ cán bộ cấp trung đã qua đào tạo và đội ngũ công nhân viên lành nghề, tận tụy trong công việc...

Phát triển thương hiệu

Thiên Long tự hào là thương hiệu số 1 văn phòng phẩm tại Việt Nam và hàng đầu khu vực, được người tiêu dùng bình chọn là vị trí số 1 trong ngành văn phòng phẩm trong 16 năm liền từ năm 1997 đến 2012; Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt liên tục từ năm 2003 đến 2011; giải vàng giải thưởng Chất lượng Quốc Gia vào năm 2011; Giải thưởng Doanh nghiệp Xanh năm 2006, 2008 và 2010; đạt giải Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Văn phòng phẩm tại Việt Nam năm 2010, ...

Phát triển thị trường

Sản phẩm Thiên Long có mặt mọi nơi phục vụ cho học tập và làm việc thông qua hệ thống phân phối và điểm bán phủ khắp 63/63 tỉnh thành của hơn 135 nhà phân phối và 45.000 điểm bán, 2 tổng kho tại Miền Nam và Miền Bắc; người tiêu dùng có thể tìm thấy sản phẩm Thiên Long ở bất kỳ nơi nào tại Việt Nam. Ngoài kênh phân phối truyền thống, Tập Đoàn cũng đã thiết lập và triển khai bán hàng trên kênh thương mại hiện đại như Metro, BigC, Lotte Mart, Maximark, chuỗi nhà sách ..., kênh bán hàng cho các doanh nghiệp và bán hàng qua mạng. Ngoài ra, Tập Đoàn Thiên Long còn có chuỗi cửa hàng mang thương hiệu FlexOffice chuyên bán lẻ văn phòng phẩm và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật văn phòng đến tận tay người tiêu dùng trên toàn quốc Việt Nam. Tập đoàn thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện cho nhân viên bán hàng quy mô toàn Tập Đoàn và cho từng khu vực nhằm đảm bảo kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp nhất, truyền đạt thông tin đến khách hàng một cách chính xác nhất. Do đó, Thiên Long luôn có mức tăng trưởng doanh thu gần 30% mỗi năm. Năm 2011 doanh thu Tập Đoàn ước tính khoảng 50 triệu USD.

Cùng lúc, hoạt động kinh doanh xuất khẩu cũng được đầu tư mạnh mẽ, từ đội ngũ nhân sự đến những sản phẩm thiết kế riêng dành cho từng thị trường khác nhau trên thế giới cũng như việc

thường xuyên tham dự các hội chợ quốc tế, xúc tiến thương mại hàng năm. Thiên Long đã xuất khẩu sang hơn 30 nước của 5 châu lục: Châu Âu (Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, ...), Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Mexico), Châu Đại Dương (Úc), Châu Phi (Algerie, Ai Cập), Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, các nước ASEAN,...). Bên cạnh đó, Tập Đoàn Thiên Long đã thiết lập văn phòng đại diện tại Trung Quốc, Thái Lan và Đông Dương nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế. Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu trong doanh thu toàn Tập Đoàn không ngừng tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng doanh số xuất khẩu bình quân gần 50% mỗi năm.

Phục vụ cộng đồng

Tập Đoàn thực hiện Chương trình Tư Vấn Mùa Thi và Tiếp Sức Mùa Thi từ năm 2002 đến năm 2011 nhằm hỗ trợ và tư vấn cho các thí sinh tham dự kỳ thi đại học, cao đẳng hàng năm; xây trường cho các em học sinh ở các khu vực có điều kiện khó khăn; thực hiện chương trình “Góp Bút Thiên Long Cùng Bạn Đến Trường” để xây dựng quỹ học bổng cho các em học sinh nghèo; thực hiện chương trình “Ngày Hội Thư Ký” nhằm mang lại niềm vui và cung cấp thông tin hỗ trợ công việc cho giới văn phòng... Ngoài ra, Tập Đoàn Thiên Long còn thực hiện các chương trình xã hội khác như gây quỹ mổ tim, tặng trồng trường, các chương trình học đường khác,...

2.2 Sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Sứ mệnh của Tập Đoàn Thiên Long

“Cung cấp văn phòng phẩm, bút viết phục vụ cho việc học và chinh phục đỉnh cao tri thức”.

Giá trị cốt lõi của Tập Đoàn Thiên Long

“Tiên phong trong công nghệ và sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đột phá phục vụ người tiêu dùng, cùng nhau xây dựng cộng đồng Thiên Long phát triển vững mạnh, mang tính nhân đạo nhân văn”.

2.3 Những thành quả giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu

- Đoạt giải vàng giải thưởng **Chất Lượng Quốc Gia** năm 2011 do Thủ Tướng Chính phủ trao tặng
- Được người tiêu dùng bình chọn 16 năm liền (từ năm 1997 đến 2012) là **“Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao”**
- Đoạt giải thưởng **“Sao Vàng Đất Việt”** từ năm 2003 đến 2011 do Hội Các Nhà Doanh Nghiệp Trẻ Việt Nam chứng nhận

- Nằm trong Top 10 **“Doanh Nghiệp Tiêu Biểu Về Trách Nhiệm Xã Hội”** trong chương trình Sao Vàng Đất Việt năm 2011
- Đạt giải **“Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Văn phòng phẩm tại Việt Nam năm 2010”** của Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam
- Được giải thưởng **“Doanh Nghiệp Xanh”** do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp năm 2006, 2008, 2010
- Đạt giải nhì giải thưởng **“Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực lao động”** năm 2009 do Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam cấp
- Được Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam và Văn phòng Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao giấy chứng nhận đạt **“Doanh nghiệp tổ chức và phát triển hệ thống phân phối tốt nhất năm 2008”**
- Chương trình “Tiếp Sức Mùa Thi” đạt giải thưởng **“Khi Tổ Quốc Cần”** tổ chức lần đầu tiên năm 2011 do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam bình chọn

2.4 Hoạt động cộng đồng

Với thông điệp “Sức Mạnh Tri Thức”, các hoạt động xã hội và cộng đồng của Tập Đoàn Thiên Long không tách rời môi trường giáo dục và đào tạo, tất cả vì sự nghiệp trăm năm trồng người. Thiên Long không chỉ tạo ra những sản phẩm giá trị là công cụ giúp cho mọi người học hỏi tri thức, mà còn tạo ra môi trường tri thức, giúp con người có nhiều cơ hội khám phá tri thức dễ dàng hơn.

Các hoạt động cộng đồng nổi bật của Thiên Long trong năm 2011:

Chương trình Tiếp Sức Mùa Thi

- Từ năm 2002, Thiên Long phối hợp cùng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam và Báo Thanh Niên tổ chức thực hiện chương trình **“Tiếp Sức Mùa Thi”**. Mục đích chương trình nhằm hướng dẫn, giúp đỡ các thí sinh bớt đi được những gánh nặng, nỗi lo về phương tiện, cách thức đi lại, nơi ăn ở... trong lần đầu tiên lên các thành phố để dự thi. Năm 2011 là năm thứ 10 Thiên Long thực hiện chương trình với quy mô ngày càng mở rộng và chuyên nghiệp. **“Tiếp Sức Mùa Thi”** đã trở thành một chương trình xã hội có sức lan tỏa sâu rộng trong cả nước, được đồng đảo các thành phần trong xã hội tham gia và hỗ trợ tích cực bởi tính thiết thực và tính nhân văn của chương trình. Chương trình đã đạt giải thưởng **“Khi Tổ Quốc Cần”** tổ chức lần đầu tiên năm 2011 do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam bình chọn. Hứa hẹn trong năm 2012, năm thứ 11 của chương trình,

Thiên Long sẽ cố gắng hết sức để chương trình lớn mạnh hơn cả về chiều rộng lẫn chiều sâu

Học bổng Lê Văn Tám

Từ năm 1997 đến nay, Thiên Long phối hợp với báo Thiếu Niên Tiền Phong trao học bổng Lê Văn Tám cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi trên cả nước. Tính đến năm 2011, Tập đoàn Thiên Long đã trao được hơn 7.000 suất học bổng.

Chương trình “Vui Học Cùng Thiên Long”

Chương trình “**Vui Học Cùng Thiên Long**” là một chương trình lớn dành cho học đường, trong đó bao gồm các chương trình:

- ***Chương trình “Vui Cùng Thiên Long”***: chương trình dành cho các em học sinh mẫu giáo với các hoạt động thi vẽ tranh,... giúp các em thông minh, nhanh nhẹn hơn, uơm mầm cho các ước mơ hồng của các em.
- ***Chương trình “Góp Bút Thiên Long, Cùng Bạn Đến Trường”***: được thực hiện năm 2008 tại các thành phố lớn. Qua đó, các bạn học sinh sẽ đóng góp những cây bút Thiên Long đã qua sử dụng của mình để xây dựng quỹ học bổng cho các bạn học sinh nghèo hiếu học trong trường. Mỗi cây bút quyên góp được Thiên Long ủng hộ 200 đồng vào quỹ học bổng của mỗi trường. Thông qua chương trình, các em học sinh còn có thể học được rất nhiều bài học bổ ích về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau, phát huy tinh thần sáng tạo, tiết kiệm và ý thức bảo vệ môi trường.
- ***Chương trình “Tri Ân Thầy Cô”***: là thông điệp tri ân từ những người học trò đến thầy cô giáo trên cả nước. Chương trình bao gồm các hoạt động thiết thực như làm báo tường, thi văn nghệ...giúp các em hiểu rõ hơn về truyền thống tôn sư trọng đạo và uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

Ngoài ra, Tập Đoàn Thiên Long còn thực hiện các chương trình xã hội khác như “Nói Nhịp Trái Tim”, cùng Hội Chữ Thập Đỏ tài trợ mổ tim cho các trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh; tài trợ Giải Vô Địch Bóng Bàn Trẻ, Thiếu Niên và Nhi Đồng Toàn Quốc giúp các em rèn luyện thân thể...

Với khẩu hiệu “Sức Mạnh Tri Thức”, Thiên Long bắt đầu từ những hoạt động tri thức thiết thực và mang tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

2.5 Định hướng chiến lược phát triển

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập Đoàn Thiên Long sẽ:

- Phát triển để trở thành tập đoàn văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung
- Tập trung vào kinh doanh quốc tế để thâm nhập vào thị trường thế giới (phát triển hàng hợp tác sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu)
- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thông qua hàng hợp tác sản xuất, củng cố và đẩy mạnh việc mở rộng thị phần thị trường trong nước
- Tập trung tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập Đoàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm
- Cải tiến kỹ thuật sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Tập Đoàn cam kết thực hiện 4 mục tiêu dưới đây thuộc chiến lược 5 năm (2010 – 2014) của Tập Đoàn:

1. Trở thành tập đoàn văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á
2. Chuyên môn hóa và tự động hóa sản xuất
3. Phát triển tất cả các kênh thương mại nội địa và kinh doanh quốc tế
4. Trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, lợi nhuận cao nhất cho Tập Đoàn và cổ đông.

Riêng vào năm 2012, trong mọi hoàn cảnh có thể xảy ra đối với nền kinh tế Việt Nam, Tập Đoàn phải đảm bảo định hướng phát triển phù hợp các hoạt động nhân sự, kinh doanh sản xuất và tài chính.

Để đạt được các mục tiêu chiến lược trên, Tập Đoàn Thiên Long sẽ tập trung vào:

a. Phát triển thị trường

Tận dụng lợi thế hiện có về kinh nghiệm sản xuất, công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm cao, đặc biệt với thương hiệu Thiên Long được người tiêu dùng tin dùng, Tập Đoàn sẽ gia tăng thị phần thông qua đẩy mạnh phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Mục tiêu đến năm 2020 :

- Đứng thứ 1 hoặc 2 tại khu vực Đông Nam Á

- Đứng thứ 7 khu vực Châu Á

b. Tiếp thị

Đầu tư phát triển thương hiệu, tăng cường hoạt động marketing và doanh số bán hàng ở thị trường nước ngoài.

Củng cố và phát triển hệ thống phân phối trong nước.

c. Đầu tư

Xem xét đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh.

d. Quản lý, kiểm soát

Phát triển hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) SAP.

Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001, SA 8000, CTPAT (2007).

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, các chương trình cải tiến để giảm giá thành trong sản xuất và quản lý.

e. Công nghệ

Tăng cường tự động hóa trong sản xuất.

Nâng cấp chất lượng sản phẩm tiêu thụ trong nước theo tiêu chuẩn xuất khẩu đi Mỹ, Châu Âu.

f. Phát triển nguồn nhân lực

Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Tập Đoàn sẽ tập trung vào:

- Định biên, đào tạo đội ngũ kế thừa và nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ công nhân, nhân viên.
- Xây dựng sự phối hợp tốt trong tác nghiệp giữa các bộ phận, thúc đẩy sáng tạo, tăng năng suất lao động.
- Tăng cường phúc lợi tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên.
- Tạo điều kiện cho mọi người lao động trong Tập Đoàn đều có cơ hội sở hữu cổ phần của Tập Đoàn nhằm phát huy tinh thần làm chủ và sự gắn bó.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tập Đoàn Thiên Long kết thúc năm 2011 với nhiều kết quả đáng khích lệ!

Lợi nhuận ròng năm 2011 của Tập Đoàn Thiên Long đạt mức 80,5 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2010 và vượt chỉ tiêu kế hoạch đã được cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2010. Tổng tài sản vào ngày 31/12/2011 đạt mức 949,9 tỷ đồng, tăng 26,3% so với năm 2010. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu vào ngày kết thúc niên độ 2011 tăng 22% so với thời điểm kết thúc năm 2010, đạt 477,9 tỷ đồng.

Bên cạnh những con số ấn tượng nêu trên, năm 2011 còn là năm có nhiều sự kiện đáng nhớ của Tập Đoàn Thiên Long. Công ty Thiên Long Long Thành chính thức trở thành công ty 100% vốn do Tập Đoàn Thiên Long làm chủ sở hữu. Việc này giúp hoạt động sản xuất của toàn Tập đoàn sẽ hiệu quả hơn về công suất cũng như linh động hơn trong chiến lược sản phẩm. Ngoài ra, sự ra đời của kênh phân phối sản phẩm văn phòng tổng hợp cùng với hệ thống bán lẻ và bán hàng qua mạng của các công ty Tân Lực hiện nay đang tạo thế đứng vững chắc cho Tập Đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước trong tương lai. Đặc biệt sự phát triển đầy bất ngờ của các thị trường xuất khẩu đang tạo cơ sở tin cậy cho Thiên Long trong việc đầu tư cho hoạt động kinh doanh quốc tế trong thời gian tới.

Một lần nữa, năng lực của Ban Điều Hành Tập Đoàn ngày càng được chứng minh và phát huy. Điều này thể hiện trong việc lèo lái thành công con thuyền Thiên Long vượt qua khủng hoảng kinh tế trong suốt 4 năm 2008- 2011 một cách ngoạn mục.

Với các kết quả đạt được trong năm 2011, Hội Đồng Quản Trị tin rằng Tập Đoàn Thiên Long sẽ vững bước tiến vào năm 2012 và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2012.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập Đoàn Thiên Long trình bày các báo cáo của mình tập trung chủ yếu vào phân tích các hoạt động và các kết quả đạt được trong năm 2011. Đồng thời, báo cáo cũng trình bày và phân tích các thuận lợi và khó khăn mà Tập Đoàn đã vượt qua cũng như những thách thức trong thời gian tới.

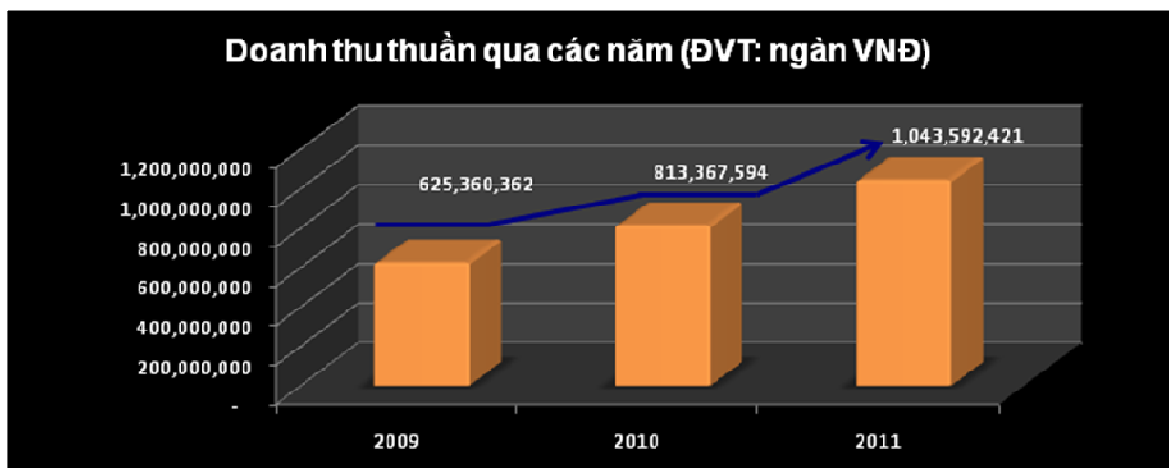
4.1 Phân tích các hoạt động

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
<i>Đvt: Ngàn đồng</i>			
Doanh thu thuần	625.360.362	813.367.594	1.043.592.421
Tỉ lệ lãi gộp/doanh thu thuần	37,59%	35,90%	39,45%
Chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp)	166.660.644	210.472.506	311.880.142
Tỉ lệ chi phí /doanh thu thuần	26,65%	25,88%	29,88%
Lợi nhuận trước thuế	79.023.621	93.464.441	108.251.078
Lợi nhuận sau thuế	58.620.833	71.108.484	80.531.359
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	9,37%	8,74%	7,72%
Tổng tài sản	602.778.186	752.115.343	949.886.322
Nguồn vốn chủ sở hữu	358.818.672	391.561.705	477.886.022
Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	59,53%	52,06%	50,31%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.790	4.590	4.750

TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM TRƯỚC	2009	2010	2011	Bình quân
Doanh thu thuần	29,07%	30,06%	28,31%	29,15%
Lợi nhuận trước thuế	25,84%	18,27%	15,82%	19,98%
Lợi nhuận sau thuế	24,86%	21,30%	13,25%	19,80%
Tăng trưởng tổng tài sản	11,85%	24,77%	26,29%	20,97%
Tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu	11,00%	9,13%	22,05%	14,06%

Tăng trưởng doanh thu

Trong 3 năm 2009 - 2011, Tập Đoàn đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm là 29,15%. Năm 2011, doanh thu thuần Tập Đoàn đạt 1.043,5 tỷ đồng, tăng 230,2 tỷ đồng hay 28,31% so với năm 2010. Trong tổng doanh thu thuần năm 2011, nhóm sản phẩm Bút Viết chiếm tỷ trọng cao nhất là 58,04%, kể đến là nhóm Dụng Cụ Văn Phòng với tỷ trọng 26,32%, nhóm Dụng Cụ Học Sinh và nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật chiếm lần lượt là 10,44% và 5,20% (Xem bảng bên dưới).

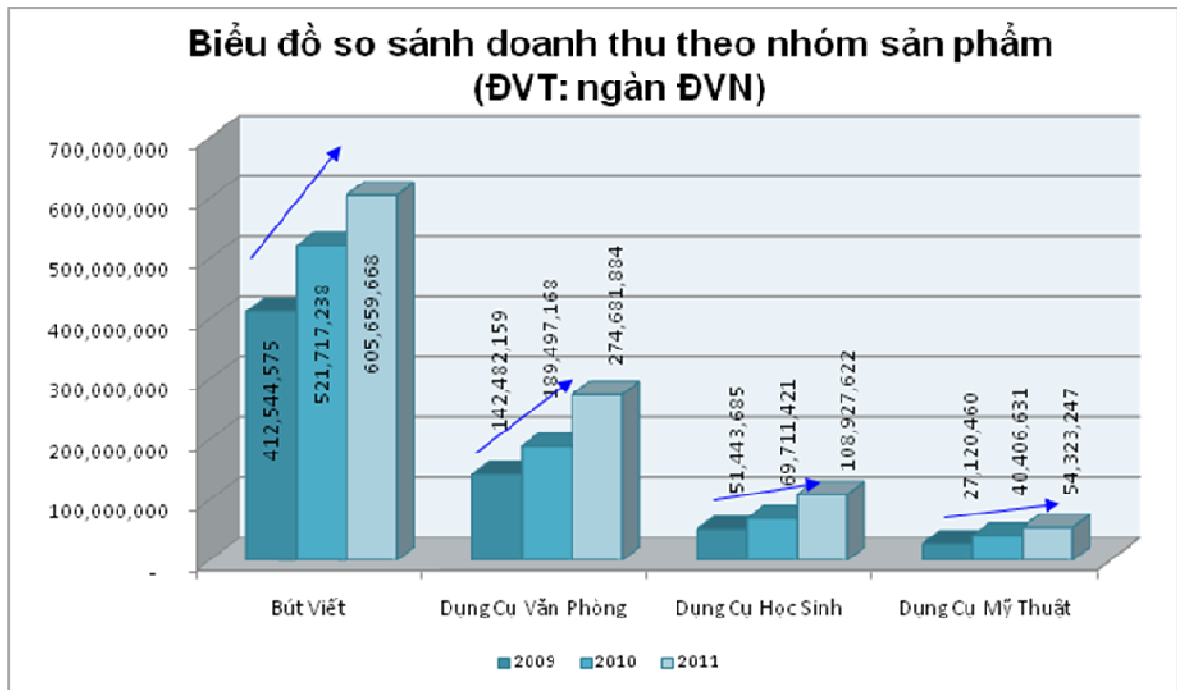


Tỷ trọng của từng nhóm sản phẩm trong tổng doanh thu:

	2009	2010	2011
Bút Viết	65,11%	63,52%	58,04%
Dụng Cụ Văn Phòng	22,49%	23,07%	26,32%
Dụng Cụ Học Sinh	8,12%	8,49%	10,44%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	4,28%	4,92%	5,20%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%

Tăng trưởng so với năm trước:

	2009	2010	2011
Bút Viết	20,34%	26,46%	16,09%
Dụng Cụ Văn Phòng	55,45%	33,00%	45,95%
Dụng Cụ Học Sinh	26,43%	35,51%	56,26%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	12,06%	48,99%	34,44%



Nhóm Bút Viết

Nhóm Bút Viết là nhóm sản phẩm truyền thống của Tập Đoàn. Trong những năm qua, nhóm Bút Viết luôn thể hiện vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực, tạo nền tảng trong quá trình phát triển của Tập Đoàn. Năm 2011, doanh thu nhóm sản phẩm này mang lại là 605,7 tỷ đồng, chiếm 58,04% tổng doanh thu. Trong chiến lược phát triển dài hạn, Tập Đoàn tiếp tục chú trọng vào việc phát triển, hoàn thiện kỹ thuật sản xuất và thiết kế kiểu dáng các sản phẩm trong nhóm Bút viết nhằm mang lại sự tiện lợi, thoải mái cao nhất cho người sử dụng. Song song đó, để đáp ứng chiến lược vươn ra tầm khu vực và thế giới trong giai đoạn 2010-2014, Tập Đoàn cũng sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm với giá bán tốt nhất nhằm cạnh tranh với các sản phẩm nổi tiếng trên thế giới.

Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng

Với chiến lược giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam về văn phòng phẩm, Tập Đoàn Thiên Long từng bước đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm ngoài Bút Viết. Trong giai đoạn 2009-2011, doanh thu của nhóm Dụng Cụ Văn Phòng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng doanh thu. Năm 2011, nhóm sản phẩm này có doanh thu tăng hơn 45% so với năm 2010, mang về cho Tập Đoàn 274,7 tỷ đồng, chiếm 26,32% tổng doanh thu.

Tỷ trọng doanh thu của nhóm Dụng Cụ Văn Phòng dự kiến sẽ tăng cao trong thời gian tới, chiếm khoảng 30% tổng doanh thu của Tập Đoàn kể từ năm 2012.

Nhóm Dụng Cụ Học Sinh

Mức tăng trưởng cao và đều đặn của nhóm Dụng Cụ Học Sinh trong 3 năm qua cho thấy sự phát triển ổn định và tiềm năng lớn của các loại sản phẩm này. Năm 2011, doanh thu của Nhóm Dụng Cụ Học Sinh tăng trưởng 56,26%, mang về cho Tập Đoàn 108,9 tỷ đồng.

Tiềm năng thị trường của nhóm Dụng Cụ Học Sinh còn rất lớn vì Việt Nam là nước có dân số trẻ, tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên cao, nhà nước đẩy mạnh việc phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông làm cho số lượng học sinh đến trường ngày một tăng. Trong chiến lược phát triển dài hạn của mình, Tập Đoàn sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc chiếm lĩnh thị trường.

Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật

Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật bao gồm bút sáp, màu nước, bút chì màu, bút lông tô màu và sáp dầu. Trong các năm qua, nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật phát triển theo xu hướng phát triển chung của Tập Đoàn.

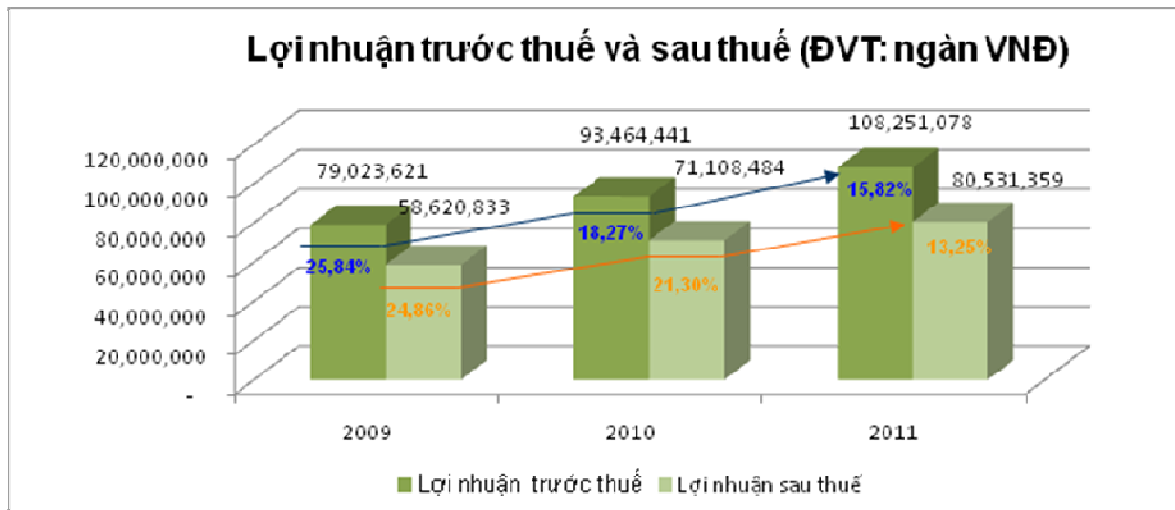
Năm 2011, doanh thu của nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật tăng 34,44% so với 2010 và mang về cho Tập Đoàn số tiền 54,3 tỷ đồng.

Lãi gộp

Mức lãi gộp của Tập Đoàn trong giai đoạn 2009-2011 tương đối ổn định. Trong đó, tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần năm 2009 là 37,59%, năm 2010 là 35,90% và năm 2011 là 39,45%. Trong các năm qua, ban lãnh đạo Tập Đoàn tiến hành đa dạng hóa và mở rộng mạng lưới cung cấp, thương lượng để giữ giá đầu vào ổn định, đồng thời kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giảm sản phẩm hỏng, tối ưu hóa năng lực sản xuất, v.v... nhằm có được tỉ lệ lãi gộp cao và ổn định như đã nêu trên.

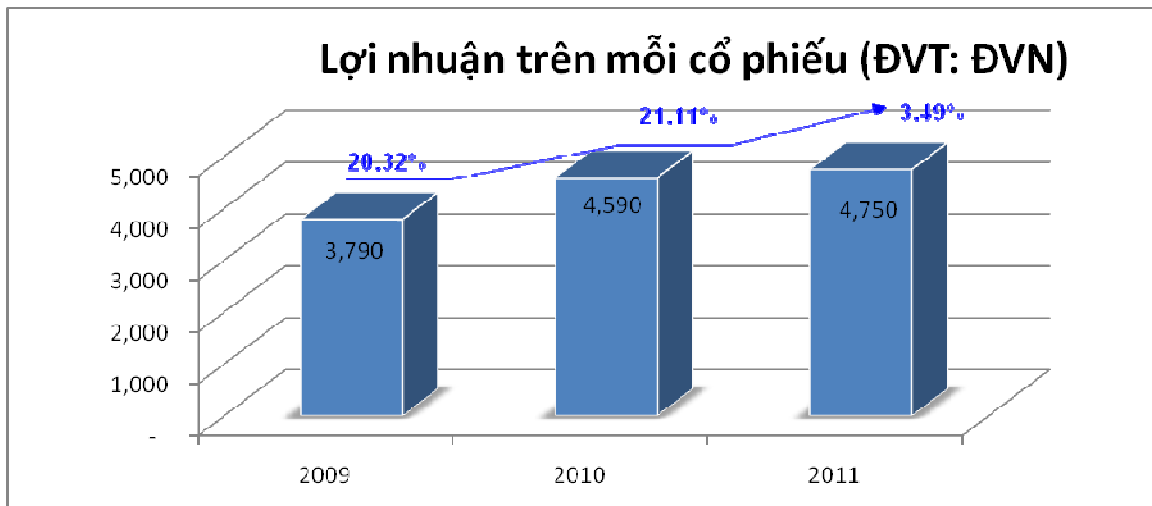
Lợi nhuận

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần của Tập Đoàn xoay quanh mức 8% trong các năm qua. Đây là một tỷ lệ đáng khích lệ trong ngành sản xuất nói chung, bút viết văn phòng phẩm nói riêng. Để đạt được mức lợi nhuận trên, Tập Đoàn thực hiện nhiều biện pháp ổn định giá thành, kiểm soát tốt chi phí. Chi phí hoạt động hàng năm có tăng nhưng tỷ trọng của chi phí hoạt động trên tổng doanh thu luôn nằm trong tỷ lệ an toàn mà ban lãnh đạo đã thiết lập.



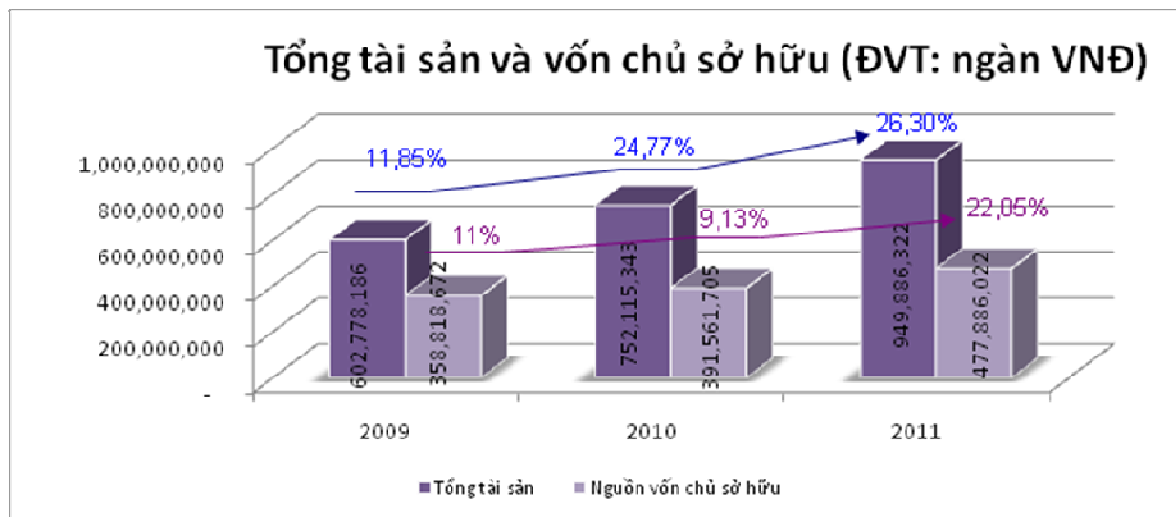
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) tăng trưởng đều đặn trong 3 năm qua. Năm 2009, EPS ở mức 3.790 đồng/cổ phiếu, năm 2010 EPS tăng lên 4.590 đồng/cổ phiếu. Năm 2011, EPS của công ty đạt mức 4.750 đồng/ cổ phiếu, tăng 3,49% so với năm trước.



Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản của Tập Đoàn trong 3 năm 2009-2011 đạt mức tăng trưởng bình quân 20,97% . Vốn chủ sở hữu năm 2009 tăng 11%, năm 2010 tăng 9,13% và năm 2011 tăng 22,05%. Nguyên nhân chủ yếu cho mức tăng trưởng cao của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu là do lợi nhuận tăng đều đặn và ở mức cao, bình quân đạt gần 20% trong 3 năm 2009-2011. Tổng lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn cổ đông vào 31/12/2011 là 155 tỷ đồng.



4.2 Hệ thống phân phối trong và ngoài nước

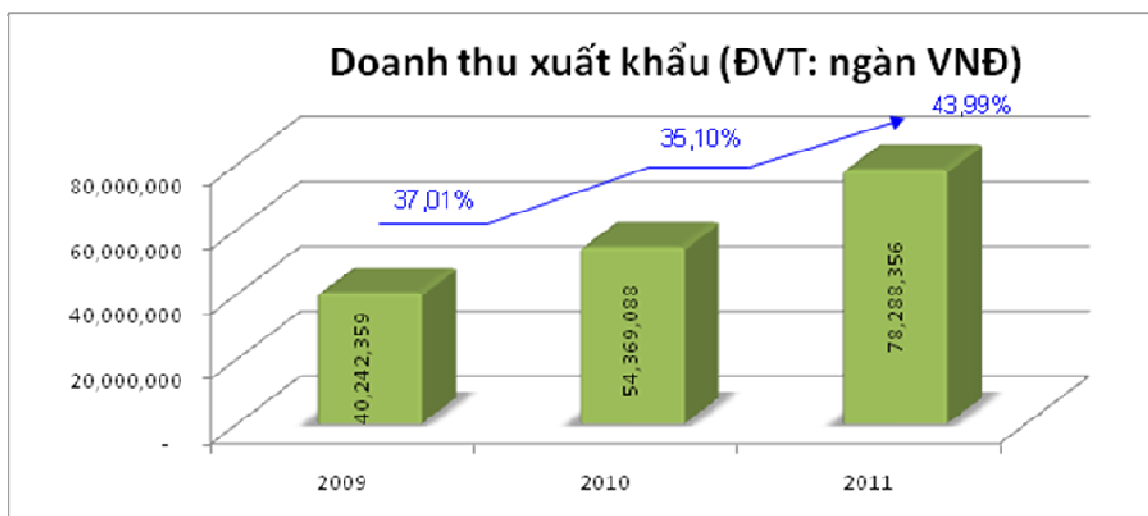
Hệ thống phân phối trong nước

Hệ thống phân phối của Tập Đoàn Thiên Long phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước. Tính đến nay, Thiên Long có 135 nhà phân phối, đảm nhận việc tiếp nhận và phân phối sản phẩm tới các nhà bán sỉ hoặc lẻ; và có hơn 45.000 điểm bán văn phòng phẩm mang thương hiệu Thiên Long trên toàn quốc.

Ngoài kênh phân phối truyền thống nói trên, Thiên Long cũng thiết lập và trực tiếp quản lý 4 (bốn) kênh phân phối: (1): hệ thống siêu thị, nhà sách; (2): bán trực tiếp cơ quan, trường học (B2B); (3) bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng; (4) bán hàng qua mạng.

Thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường nước ngoài, Tập Đoàn Thiên Long đã có văn phòng đại diện tại Đông Dương, Thái Lan và Trung Quốc. Thị trường xuất khẩu của Tập Đoàn ngày càng được mở rộng. Hiện tại, ngoài thị trường xuất khẩu truyền thống là các nước ASEAN, Tập Đoàn cũng đã xuất khẩu sang các nước phát triển khác như thị trường xuất khẩu Châu Âu (Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, ...), Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Mexico), Châu Đại Dương (Úc), Châu Phi (Algeria, Ai Cập), Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản,...).



Những yếu tố thuận lợi và khó khăn

Những yếu tố thuận lợi

- Kinh tế Việt Nam trong thời gian qua phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu rất khả quan. Thêm vào đó, Việt Nam gia nhập WTO là cơ hội tốt để Tập Đoàn phát triển hoạt động kinh doanh xuất khẩu.
- Thiên Long có bề dày kinh nghiệm 30 năm hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành bút viết, văn phòng phẩm. Với bề dày kinh nghiệm này, Thiên Long chủ động tạo cơ hội kinh doanh mới trong ngành, đồng thời giúp Thiên Long ứng phó tốt với các rủi ro kinh doanh có thể xảy ra trong ngành văn phòng phẩm.
- Thiên Long sở hữu thương hiệu số 1 tại Việt Nam về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hàng bút viết và văn phòng phẩm. Đây là lợi thế vượt trội về mặt thương hiệu giúp sản phẩm của Tập Đoàn được người tiêu dùng tín nhiệm ngày càng cao.

- Thiên Long có thị trường tiêu thụ lớn, ổn định và tăng trưởng đều đặn với tốc độ cao. Tập Đoàn Thiên Long có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước.
- Sản phẩm của Thiên Long có chất lượng, mẫu mã đẹp, giá cả phù hợp với người tiêu dùng. Điều này tạo ra ưu thế cạnh tranh cao trên thị trường.
- Sản phẩm Thiên Long được đón nhận tại nhiều nước trên thế giới. Doanh thu xuất khẩu tăng trưởng ngày càng cao. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng.
- Thiên Long đã triển khai và ứng dụng một cách hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo sản phẩm của Tập Đoàn sản xuất ra luôn đạt chất lượng tốt nhất.
- Công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất của Thiên Long thường xuyên được đầu tư, bảo dưỡng thuộc loại tiên tiến hàng đầu thế giới.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao và kinh nghiệm phù hợp với vị trí công tác; công nhân sản xuất có kinh nghiệm, thường xuyên được đào tạo, và có độ ổn định cao.

Những yếu tố khó khăn

- Kinh tế vĩ mô được dự báo vẫn còn bất ổn trong năm 2012
- Lạm phát cao có thể tiếp tục ở 2 con số như năm 2011
- Tỷ giá USD cao gây ảnh hưởng giá nhập nguyên vật liệu và máy móc thiết bị
- Giá nguyên vật liệu, đặc biệt giá nhựa, đang ngày một tăng
- Lãi suất đi vay cao gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh sản xuất
- Sức mua thị trường nội địa giảm đáng kể
- Thị phần giảm, giá bán cạnh tranh gay gắt, doanh thu và lợi nhuận có khả năng giảm
- Tiền kho cao và vốn bị đọng
- Nguồn nhân tài mới cho Tập Đoàn bị phát triển hạn chế
- Tập Đoàn vừa đối phó khó khăn hiện tại để tồn tại vừa phải chuẩn bị sẵn nguồn lực cho phát triển trong tương lai khi nền kinh tế khởi sắc trở lại.

V. BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

5.1 Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thiên Long có bộ máy quản lý theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty, tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của công ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua:

- Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát
- Mức cổ tức trên mỗi cổ phần của từng loại

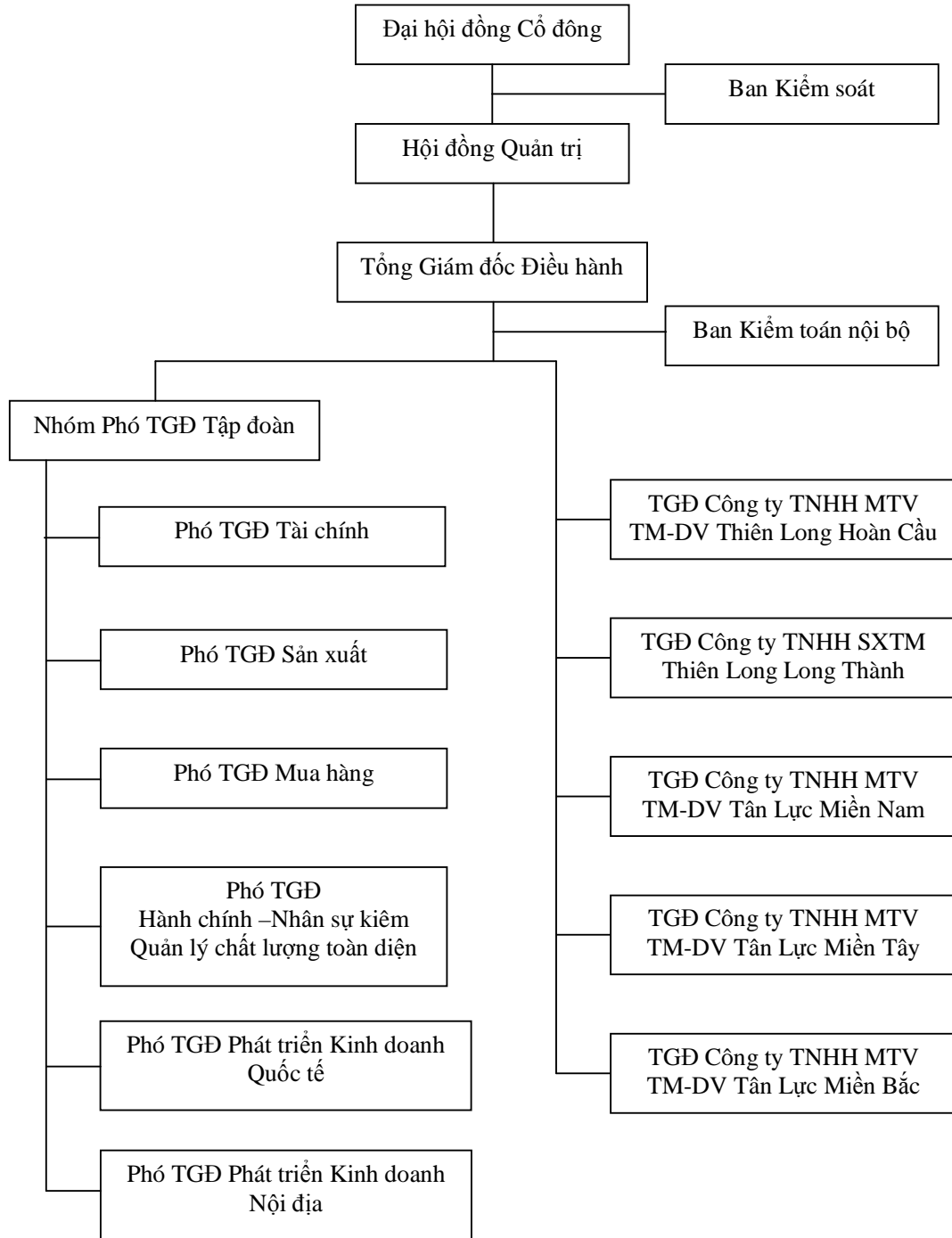
Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có từ 05 đến 11 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi miễn. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT hiện nay có 07 thành viên, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc bãi miễn. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả thực hiện hoài bão, sứ mạng, văn hóa, chiến lược, mục tiêu, tiêu chí tài chính và các chỉ tiêu hoạt động đã được duyệt của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc: giúp việc cho Tổng Giám đốc có 6 Phó Tổng Giám đốc (Tài chính, Phát triển Kinh doanh Quốc tế, Phát triển Kinh doanh Nội địa, Hành chính - Nhân sự kiêm Quản lý Chất lượng toàn diện, Sản xuất, Mua hàng), chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Tập đoàn Thiên Long



Hội đồng Quản trị

- Ông Cô Gia Thọ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Kim Thành - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Lê Nguyên - Thành viên HĐQT
- Ông Huỳnh Văn Thiện - Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thái Như - Thành viên HĐQT
- Bà Cô Ngân Bình - Thành viên HĐQT
- Bà Cô Cẩm Nguyệt - Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn

- Ông Võ Văn Thành Nghĩa - Tổng Giám đốc Tập đoàn kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Phát triển Kinh doanh Quốc Tế
- Ông Nguyễn Đình Tâm - Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
- Ông Phan Nhật Phương - Phó Tổng Giám đốc Mua hàng
- Ông Bùi Văn Huống - Phó Tổng Giám đốc Hành chính Nhân sự kiêm Quản lý Chất lượng Toàn diện
- Ông Hồ Ngọc Cảnh – Kế Toán Trưởng
- Ông Nguyễn Thượng Việt – Phó Tổng Giám đốc Phát Triển Kinh Doanh Nội Địa
- Ông Trương Anh Hào - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Thiên Long Hoàn Cầu
- Ông Tạ Quang Thiên - TGD công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành
- Ông Nguyễn Thượng Việt - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lục Miền Nam
- Ông Huỳnh Đức Nghĩa - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lục Miền Tây
- Ông Đặng Thanh Cảnh - Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Tân Lục Miền Bắc

Thành viên Ban Kiểm soát

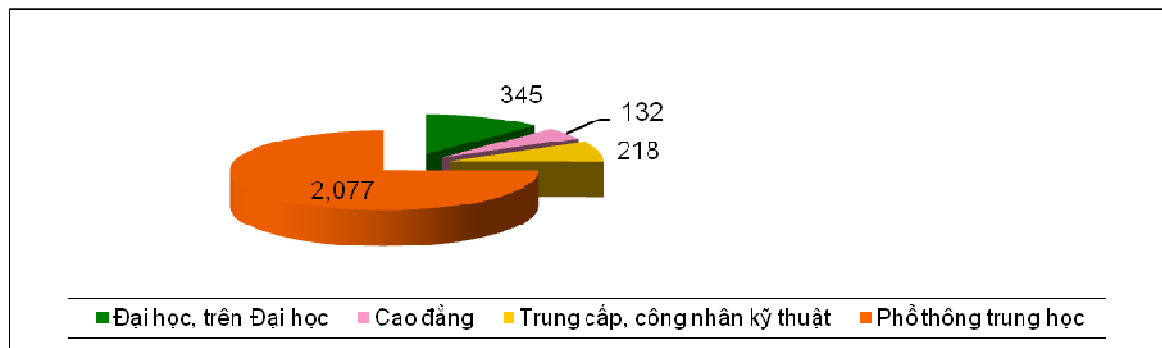
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngà - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Tạ Hoàng Sơn - Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Lý Văn Dũ - Thành viên Ban Kiểm soát

5.2 Nguồn nhân lực

Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lao động của Tập Đoàn tại thời điểm 31/03/2012 là 2.772 lao động, trong đó :

- Đại học, trên đại học: 345
- Cao đẳng: 132
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật: 218
- PTTH : 2.077



Chế độ, chính sách đối với người lao động

Chính sách lương và phụ cấp

Tập Đoàn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Tập Đoàn làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn.

Đối với công nhân viên trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, ngoài mức lương cố định, Tập Đoàn còn thực hiện chính sách trả lương hiệu quả theo năng suất lao động và sự tuân thủ nội quy lao động.

Hàng năm, Tập Đoàn thực hiện soát xét mức lương chung toàn Tập Đoàn một lần vào tháng 4, qua đó đánh giá năng lực từng CBCNV để có quyết định điều chỉnh lương phù hợp.

Chính sách khen thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Tập Đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, Tập Đoàn có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng

căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể khi thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Chế độ bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập Đoàn trích nộp đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cao cho người lao động trong việc thụ hưởng các chế độ của Bảo hiểm xã hội. Ngoài chế độ bảo hiểm bắt buộc, Tập đoàn còn mua thêm cho toàn thể CBCNV loại hình Bảo hiểm 24/24 nhằm hỗ trợ phần nào các chi phí điều trị cũng như việc suy giảm khả năng lao động của CBCNV khi có bất kỳ rủi ro nào xảy ra, Hàng năm, Tập Đoàn tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV nhằm phát hiện bệnh lý để kịp thời chăm sóc và điều trị.

Ngoài ra, Tập Đoàn cũng tạo điều kiện cho CBCNV đi nghỉ mát hàng năm, tổ chức các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể và rèn luyện sức khỏe.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Tập Đoàn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bao gồm đào tạo nhân viên mới (đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc, ISO 9001) và đào tạo thường xuyên (đào tạo nâng cao nghiệp vụ nhằm bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội thăng tiến trong công việc).

Tập Đoàn luôn ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ bằng cách ưu tiên tuyển dụng trong nguồn nhân sự nội bộ mỗi khi có vị trí nào cần tuyển dụng thêm. Tập Đoàn luôn tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

VI. THÔNG TIN CỔ PHẦN**Các thông tin về cổ phiếu (tính đến ngày 12/04/2012)**

Vốn điều lệ	: 176,5 tỷ đồng
Mã chứng khoán	: TLG
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết	: 26/03/2010
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 17.650.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0
Số lượng cổ phiếu lưu hành	: 17.650.000

Thông tin về cổ tức

- Cổ tức năm 2009: 1.800 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2010: 2.000 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2011: 1.000 đồng/cổ phần (dự kiến)
10% bằng cổ phiếu (dự kiến)

Cơ cấu cổ đông của Công ty

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 12/04/2012, cơ cấu cổ đông của Tập Đoàn như sau:

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Cổ đông trong nước	491	16.770.441	95,01%
	Cá nhân	475	4.524.379	25,63%
	Tổ chức	16	12.246.062	69,38%
02	Cổ đông nước ngoài	19	879.559	4,99%
	Cá nhân	12	32.992	0,19%
	Tổ chức	07	846.567	4,80%
03	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	510	17.650.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tập Đoàn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ (%)
01	Công ty cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Lầu 15, 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	9.255.813	92.558.130	52,44%
	Đại diện sở hữu: Ông Cô Gia Thọ				
02	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.244.876	12.448.760	7,05%
03	Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	1.138.576	11.385.760	6,45%
Tổng cộng			11.639.265	116.392.650	65,94%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Hội đồng Quản trị

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Chủ tịch	Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	1.138.576	6,45%
02	Phó Chủ tịch	Trần Kim Thành	Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	220.000	1,25%
03	Thành viên	Trần Lệ Nguyên	Đại diện Công ty Cổ phần Kinh Đô	379.401	2,15%
04	Thành viên	Huỳnh Văn Thiện	38/6 C Nguyễn Văn Trỗi, P. 15, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	426.250	2,42%
05	Thành viên	Trần Thái Như	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM	233.908	1,33%
06	Thành viên	Cô Ngân Bình	743/31P/5 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, Tp.HCM	200.000	1,13%
07	Thành viên	Cô Cẩm Nguyệt	Số 7, Đường 32B, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	100.000	0,57%
Tổng cộng				2.698.135	15,30%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Tổng Giám đốc	Võ Văn Thành Nghĩa	46J Trần Quốc Tuấn, Phường 01, Quận Gò Vấp, Tp.HCM	408.981	2,32%
02	Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Đình Tâm	189, Đường 29, P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, Tp.HCM	50.660	0,29%
03	Phó Tổng Giám đốc	Phan Nhựt Phương	Số 7, Đường 32B, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM	127.000	0,72%
04	Phó Tổng Giám đốc	Bùi Văn Huống	38/6C Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Q Phú Nhuận, Tp. HCM	7.200	0,04%
05	Kế toán trưởng	Hồ Ngọc Cảnh	77 Long Đức 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	6.760	0,04%
Tổng cộng				600.601	3,41%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban Kiểm soát

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
01	Trưởng Ban	Nguyễn Thị Bích Ngà	53/24 Nguyễn Hồng Đào, P. 14, Quận Tân Bình, Tp.HCM	12.800	0,073%
02	Thành viên	Tạ Hoàng Sơn	361/39/6 Nguyễn Đình Chiều, Q. 3, Tp. HCM	2.000	0,011%
03	Thành viên	Lý Văn Dũ	345 lầu 3, lô D, Chung cư Lạc Long Quân, P.5, Q.11, Tp.HCM	2.000	0,011%
Tổng cộng				16.800	0,095%

VII. CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**7.1 Các công ty con**

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	% Tập đoàn Thiên Long sở hữu
01	Công ty TNHH SX-TM Thiên Long Long Thành	Sản xuất và mua bán văn phòng phẩm	80 tỷ đồng	100%
02	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ và Thương mại Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm, mực in.	20 tỷ đồng	100%
03	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	20 tỷ đồng	100%
04	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	5 tỷ đồng	100%
05	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây	Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm	5 tỷ đồng	100%

7.2 Các công ty liên quan

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Mối quan hệ
01	Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Văn hóa phẩm, lương thực - thực phẩm, đồ gia dụng, giáo dục, tư vấn quản lý, kinh doanh nhà hàng, bất động sản	400 tỷ đồng	Công ty chiếm 52,44% vốn cổ phần của công ty CP Tập Đoàn Thiên Long

7.3 Các văn phòng đại diện

Stt	Tên VPĐD	Địa chỉ	Điện thoại
1	VPĐD Công ty cổ phần Tập Đoàn Thiên Long tại Trung Quốc	Phòng 5116, Tòa nhà B, China International Center, đường Zhongshan 3, số 33, Quận Yuexiu, Quảng Châu, Trung Quốc.	ĐT: + 86 2083841225
2	VPĐD Công ty cổ phần Tập Đoàn Thiên Long tại Thái Lan	432/2 đường Mahaphruttharam, phường Mahaphruttharam, quận Bangrak, thủ đô Bangkok, Thái Lan	ĐT: +66 2639 4694
3	VPĐD Công ty cổ phần Tập Đoàn Thiên Long tại Campuchia	21E1-23E1 đường 199, phường Toul Svay Prey II, quận Chamca Morn, Tp. Phnom Penh, Campuchia.	ĐT: + 855 23 22 08 05 Email: thienlong@camnet.com.kh
4	VPĐD Công ty cổ phần Tập Đoàn Thiên Long tại Lào	231 DongPaLane, quận SiXaTaNat, Thủ đô VienTiane, Lào.	ĐT: + 856 21243555 Email: tlongpen@laotel.com

VIII. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty hiện tại có 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên điều hành và 06 thành viên độc lập.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thể hiện rõ các chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty trong thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, cụ thể : họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Hội đồng Quản trị được cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh trước các cuộc họp, những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Là tổ chức thay mặt Cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định Pháp luật và điều lệ Công ty.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Ban hành các văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, xây dựng kênh thông tin thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng Quản trị;

- Xây dựng cơ chế và triển khai hợp liên thông giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty;
- Duy trì chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng Quản trị, tiếp tục triển khai minh bạch hóa hoạt động của Công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chủ chốt...

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 39

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cổ Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyễn	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tiến sĩ Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Huồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cổ Gia Thọ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Cố Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Số tham chiếu: 60858419/15015613

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày từ trang 4 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Mai Viet Hung Tran
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
Ernst & Young Vietnam Ltd
CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV



Bùi Xuân Vinh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0842/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		641.341.856.539	452.462.476.750
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	80.780.886.340	37.398.608.177
111	1. Tiền		70.780.886.340	31.998.608.177
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	5.400.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	6.238.680.000	15.064.056.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.162.286.787	20.577.646.158
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(7.923.606.787)	(5.513.590.158)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.672.392.234	51.729.708.153
131	1. Phải thu khách hàng	6	53.785.439.232	41.962.634.080
132	2. Trả trước cho người bán		6.679.169.006	6.992.927.951
135	3. Các khoản phải thu khác		1.023.170.506	3.761.442.349
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(815.386.510)	(987.296.227)
140	IV. Hàng tồn kho	7	477.542.374.709	339.876.797.650
141	1. Hàng tồn kho		483.082.881.500	343.423.084.617
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.540.506.791)	(3.546.286.967)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.107.523.256	8.393.306.770
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.980.853.841	3.933.784.533
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.403.753.927	971.027.994
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.775.265	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.714.140.223	3.488.494.243
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		308.544.465.526	299.652.866.161
220	I. Tài sản cố định		248.067.498.785	250.622.419.533
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	209.819.729.918	172.369.719.256
222	Nguyên giá		400.133.191.016	325.656.055.604
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(190.313.461.098)	(153.286.336.348)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	22.552.767.572	23.234.893.460
228	Nguyên giá		27.577.586.689	27.577.586.689
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(5.024.819.117)	(4.342.693.229)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	15.695.001.295	55.017.806.817
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.2	28.835.421.452	33.748.714.165
258	1. Đầu tư dài hạn khác		38.599.924.383	38.599.924.383
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(9.764.502.931)	(4.851.210.218)
260	III. Tài sản dài hạn khác		31.641.545.289	15.281.732.463
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		10.258.993.738	6.017.394.176
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	19.392.569.051	8.662.871.787
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.989.982.500	601.466.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		949.886.322.065	752.115.342.911

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		472.000.299.929	344.136.853.955
310	I. Nợ ngắn hạn		434.408.972.770	311.397.745.687
311	1. Vay ngắn hạn	11	317.901.071.968	197.356.152.696
312	2. Phải trả người bán		55.715.671.720	71.361.626.897
313	3. Người mua trả tiền trước		2.587.054.763	1.769.030.045
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	14.974.655.557	7.995.326.528
315	5. Phải trả người lao động		9.509.326.354	6.056.998.957
316	6. Chi phí phải trả	13	21.010.045.591	18.735.475.459
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	8.091.195.385	3.626.198.672
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.619.951.432	4.496.936.433
330	II. Nợ dài hạn		37.591.327.159	32.739.108.268
334	1. Vay dài hạn	15	24.986.800.881	24.869.315.036
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		12.604.526.278	7.869.793.232
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		477.886.022.136	391.561.704.636
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	477.886.022.136	391.561.704.636
411	1. Vốn cổ phần		176.500.000.000	155.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.866.873.000	130.816.873.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.553.251.402	14.997.827.402
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		15.272.347.958	11.716.923.958
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		121.693.549.776	79.030.080.276
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	16.416.784.320
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		949.886.322.065	752.115.342.911

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
 QUẬN BÌNH TÂN TP. HỒ CHÍ MINH

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	798.951	328.184
- Bạc (THB)	320	-
- Euro (EUR)	2.035	5.365
- Nhân dân tệ (RMB)	1.984	1.341

Hồ Ngọc Cảnh
Kế toán trưởng

Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.052.921.937.168	821.332.457.656
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(9.329.515.761)	(7.964.863.786)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.043.592.421.407	813.367.593.870
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(631.927.240.425)	(521.341.894.223)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		411.665.180.982	292.025.699.647
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	9.431.652.493	9.332.831.044
22	7. Chi phí tài chính	19	(64.968.768.000)	(35.258.961.758)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.950.914.818)	(23.170.805.868)
24	8. Chi phí bán hàng		(131.556.417.782)	(95.708.718.198)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(115.354.956.577)	(79.504.826.019)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		109.216.691.116	90.886.024.716
31	11. Thu nhập khác	20	6.888.804.181	5.254.143.774
32	12. Chi phí khác	20	(7.854.417.302)	(2.675.727.707)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(965.613.121)	2.578.416.067
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		108.251.077.995	93.464.440.783
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(36.182.263.909)	(25.423.886.708)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	21.3	10.729.697.264	2.907.081.979
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		82.798.511.350	70.947.636.054
	Phân bổ cho:			
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		2.267.152.395	(160.848.370)
	17.2 Cổ đông của Công ty		80.531.358.955	71.108.484.424
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	17	4.750	4.590

Hồ Ngọc Cảnh
Kế toán trưởng

Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		108.251.077.995	93.464.440.783
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		37.307.532.091	31.245.151.508
03	Các khoản dự phòng		10.665.100.128	2.201.516.561
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.2, 19	(370.091.570)	(1.839.570.871)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(528.772.669)	(5.125.661.296)
06	Chi phí lãi vay	19	41.950.914.818	23.170.805.868
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		197.275.760.793	143.116.682.553
09	Tăng các khoản phải thu		(12.599.118.064)	(84.382.392.344)
10	Tăng hàng tồn kho		(139.358.166.191)	(102.372.914.379)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(5.202.273.202)	98.196.699.289
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		732.627.803	(3.218.026.609)
13	Tiền lãi vay đã trả		(39.945.703.420)	(22.284.041.335)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(32.105.658.840)	(30.660.198.385)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.000.000	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12.968.045.651)	(8.835.307.241)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(44.145.576.772)	(10.439.498.451)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(50.337.235.254)	(58.876.556.780)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		362.650.233	858.199.135
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.250.000.000)	(13.213.133.198)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.531.906.000	6.063.777.490
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		4.331.668.696	6.271.338.045
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(52.361.010.325)	(58.896.375.308)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		36.550.000.000	249.720.000
33	Tiền vay đã nhận		805.074.821.995	465.146.767.886
34	Tiền chi trả nợ vay		(683.983.515.852)	(380.458.598.644)
36	Chi trả cổ tức		(17.621.185.500)	(27.782.829.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		140.020.120.643	57.155.059.742
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		43.513.533.546	(12.180.814.017)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	37.398.608.177	49.724.587.000
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(131.255.383)	(145.164.806)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	80.780.886.340	37.398.608.177



Hồ Ngọc Cảnh
Kế toán trưởng



Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 2.947 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.690).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 5 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472031000036 do Ban quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty mua thêm 35% vốn chủ sở hữu của TLLT, theo đó tăng vốn chủ sở hữu của Công ty trong TLLT từ 65% lên 100%.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, đã được điều chỉnh, số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường Số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam ("TLTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTS có trụ sở chính tại số 368 đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLNTS có trụ sở chính tại số 39 đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây ("TLWTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801166792 do Sở KH&ĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLWTS có trụ sở chính tại số 7A3 Khu Định cư Hưng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. Hoạt động chính của TLWTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là chứng từ ghi sổ.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

THIÊN LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Việc mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mua thêm của Tập đoàn, theo đó, khoản chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của phần giá trị thuần tài sản mua được ghi nhận vào lợi thế thương mại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 23 và 24.

Theo Thông tư 210, Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Tập đoàn phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn vì Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và sản phẩm dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu trừ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn không được phân bổ khấu trừ.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

14/01/2012 10:00:00 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo</i>	
	<i>Theo CMKTVN 10</i>	<i>Theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Tập đoàn bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Tập đoàn không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong trường hợp Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- **Quỹ dự phòng tài chính**
Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.
- **Quỹ đầu tư và phát triển**
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.569.991.240	2.151.041.359
Tiền gửi ngân hàng	69.210.895.100	29.847.566.818
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	5.400.000.000
TỔNG CỘNG	80.780.886.340	37.398.608.177

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 14%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Đầu tư ngắn hạn

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	14.162.286.787	20.577.646.158
Dư phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.923.606.787)	(5.513.590.158)
ĐẦU TƯ THUẬN	6.238.680.000	15.064.056.000

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết ngắn hạn như sau:

	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	630.000	9.407.080.000	630.000	9.407.080.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (PPC)	270.240	4.755.206.787	368.680	6.487.380.248
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	-	-	212.500	4.683.185.910
TỔNG CỘNG		14.162.286.787		20.577.646.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Đầu tư dài hạn khác

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	38.599.924.383	38.599.924.383
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(9.764.502.931)</u>	<u>(4.851.210.218)</u>
ĐẦU TƯ THUẬN	<u>28.835.421.452</u>	<u>33.748.714.165</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác như sau:

	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	60	5.999.924.383	60	5.999.924.383
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	5.100.000.000	500.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	190.000	1.900.000.000	190.000	1.900.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	5.000	<u>600.000.000</u>	5.000	<u>600.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>38.599.924.383</u>		<u>38.599.924.383</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Tập đoàn đã thế chấp khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	53.785.439.232	41.962.634.080
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(815.386.510)</u>	<u>(987.296.227)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>52.970.052.722</u>	<u>40.975.337.853</u>

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
) ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	203.224.603.381	141.559.510.871
Nguyên liệu, vật liệu	134.865.235.607	95.775.479.236
Hàng hóa	97.353.282.796	43.949.213.007
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.384.941.431	23.647.926.501
Hàng mua đang đi trên đường	16.070.338.285	38.127.218.686
Công cụ, dụng cụ	162.266.082	298.908.028
Hàng gửi đi bán	22.213.918	64.828.288
	483.082.881.500	343.423.084.617
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.540.506.791)	(3.546.286.967)
GIÁ TRỊ THUẦN	477.542.374.709	339.876.797.650

Bao gồm trong hàng tồn kho là khoản trị giá 90.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 11*).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(3.546.286.967)	(5.767.446.522)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.143.363.407)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	2.149.143.583	2.221.159.555
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	(5.540.506.791)	(3.546.286.967)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
						VNĐ
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	97.903.479.080	126.327.116.045	15.603.551.528	6.994.637.404	78.827.271.547	325.656.055.604
Mua mới trong năm	4.063.087.744	34.107.087.028	544.500.000	1.674.868.063	11.862.239.068	52.251.781.903
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	29.858.178.300 (415.649.077)	3.115.757.321 (10.912.117.803)	-	(166.291.819)	10.216.176.607 (9.470.700.020)	43.190.112.228 (20.964.758.719)
Số dư cuối năm	131.409.096.047	152.637.842.591	16.148.051.528	8.503.213.648	91.434.987.202	400.133.191.016
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	263.218.116	17.533.837.822	7.311.760.358	2.355.785.931	55.439.925.336	82.904.527.563
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	(14.691.366.609)	(60.669.958.474)	(9.728.369.804)	(3.725.310.738)	(64.471.330.723)	(153.286.336.348)
Khấu hao trong năm	(5.225.347.416)	(29.561.654.322)	(1.640.504.037)	(1.550.394.150)	(14.964.898.834)	(52.942.798.759)
Thanh lý, nhượng bán	415.649.077	9.966.916.159	-	135.960.655	5.397.148.118	15.915.674.009
Số dư cuối năm	(19.501.064.948)	(80.264.696.637)	(11.368.873.841)	(5.139.744.233)	(74.038.081.439)	(190.313.461.098)
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	83.212.112.471	65.657.157.571	5.875.181.724	3.269.326.666	14.355.940.824	172.369.719.256
Số dư cuối năm	111.908.031.099	72.373.145.954	4.779.177.687	3.363.469.415	17.395.905.763	209.819.729.918
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 11 và 15)	65.111.721.582	62.827.540.250	-	-	1.272.689.410	129.211.951.242

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bán quyền, bằng sáng chế	Khác	Tổng cộng
	VNĐ				
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm và cuối năm	25.001.019.524	2.093.588.765	367.000.000	115.978.400	27.577.586.689
Trong đó:					
Đã khấu trừ hết	-	1.344.275.980	58.200.000	115.978.400	1.518.454.380
Giá trị khấu trừ lũy kế:					
Số dư đầu năm	(2.466.647.225)	(1.701.867.604)	(58.200.000)	(115.978.400)	(4.342.693.229)
Khấu trừ trong năm	(329.421.624)	(206.882.038)	(145.822.226)	-	(682.125.888)
Số dư cuối năm	(2.796.068.849)	(1.908.749.642)	(204.022.226)	(115.978.400)	(5.024.819.117)
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	22.534.372.299	391.721.161	308.800.000	-	23.234.893.460
Số dư cuối năm	22.204.950.675	184.839.123	162.977.774	-	22.552.767.572
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 11 và 15)	22.204.950.675	-	-	-	22.204.950.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bản quyền đang phát triển	11.051.928.789	13.744.301.130
Khuôn đang chế tạo	4.100.564.994	11.117.102.957
Thiết bị đang xây dựng	542.507.512	700.649.410
Nhà máy	-	29.455.753.320
TỔNG CỘNG	<u>15.695.001.295</u>	<u>55.017.806.817</u>

11. VAY NGÂN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	289.717.596.932	175.824.341.776
Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 15</i>)	<u>28.183.475.036</u>	<u>21.531.810.920</u>
TỔNG CỘNG	<u>317.901.071.968</u>	<u>197.356.152.696</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Giá trị nguyên tệ Đô la Mỹ	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.2, 7, 8 và 9)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	85.809.949.538	-	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2012 đến ngày 2 tháng 7 năm 2012	17,00 – 19,50	Quyền sử dụng đất, nhà cửa & vật kiến trúc, máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Ông Ích Khiêm	40.884.501.266	-	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	18,50 – 21,70	Đầu tư dài hạn khác và máy móc thiết bị
	27.800.000.000	-	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2012 đến ngày 28 tháng 4 năm 2012	19,50 – 20,70	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Hội sở	3.839.391.864	184.338	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2012 đến ngày 12 tháng 6 năm 2012	7,80	Quyền sử dụng đất
	34.626.399.699	-	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	19,06 – 19,44	Quyền sử dụng đất
	28.887.017.405	1.386.932	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2012 đến ngày 29 tháng 4 năm 2012	7,00 – 7,80	Tin chấp
	19.727.264.397	-	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2012 đến ngày 27 tháng 4 năm 2012	19,06 – 19,44	Tin chấp
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	33.443.089.303	1.605.679	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2012 đến ngày 29 tháng 3 năm 2012	4,50 – 6,00	Thành phẩm, nhà cửa vật kiến trúc và được bảo lãnh bởi Chủ tịch Cổ Gia Thọ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	9.699.983.460	465.718	Ngày 17 tháng 5 năm 2012	6,50	Quyền sử dụng đất, nhà cửa & vật kiến trúc
	5.000.000.000	-	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	16,20	
TỔNG CỘNG	289.717.596.932	3.642.667			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21.2)	9.514.656.963	5.429.276.629
Thuế nhập khẩu	3.782.670.032	500.619.853
Thuế giá trị gia tăng	1.159.624.345	1.536.663.513
Thuế thu nhập cá nhân	517.704.217	528.766.533
TỔNG CỘNG	14.974.655.557	7.995.326.528

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	8.952.602.500	3.681.060.796
Chi phí lãi vay	2.638.841.762	1.180.713.795
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	2.426.828.224	2.241.753.311
Chi phí phải trả nhà thầu	1.549.200.840	5.589.802.370
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	953.842.760	1.279.491.772
Khác	4.488.729.505	4.762.653.415
TỔNG CỘNG	21.010.045.591	18.735.475.459

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (*)	6.250.000.000	-
Phí công đoàn	1.275.675.020	1.273.058.749
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	280.413.746	1.107.898.502
Cổ tức phải trả cho cổ đông	114.493.000	-
Khác	170.613.619	1.245.241.421
TỔNG CỘNG	8.091.195.385	3.626.198.672

(*) Phải trả bên liên quan thể hiện số tiền phải trả Ông Cô Gia Thọ từ việc mua lại cổ phần.

15. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	53.170.275.917	46.401.125.956
TỔNG CỘNG	53.170.275.917	46.401.125.956
<i>Trong đó:</i>		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)	28.183.475.036	21.531.810.920
Vay dài hạn	24.986.800.881	24.869.315.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn ngân hàng bao gồm:

Hợp đồng vay số	Số cuối năm	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	VNĐ Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn</i>				
01/06/HĐ	28.300.960.881	18 lần hàng quý từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 1 tháng 4 năm 2016	18,20	Máy móc và thiết bị
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Ông Ích Khiêm</i>				
OIK.DN.01260310	1.905.600.000	45 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 4 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	20,62	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02040510	971.440.000	44 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 5 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,22	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01020210	840.517.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,36	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01220110	813.191.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,36	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01060910	742.740.000	40 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	18,30	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01140110	542.130.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,36	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02081209	423.340.000	48 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 1 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,36	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01011010	154.945.000	39 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 10 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	19,22	Máy móc và thiết bị
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
14118	16.764.217.036	60 lần hàng tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2012	18,31	Quyền sử dụng đất; nhà cửa & vật kiến trúc
LD0928200269	1.711.195.000	60 lần hàng tháng kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2014	18,31	Máy móc và thiết bị
TỔNG CỘNG	<u>53.170.275.917</u>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:							VND
Số dư đầu năm	155.000.000.000	130.754.353.000	(187.200.000)	12.066.785.402	8.785.881.958	52.398.852.000	358.818.672.360
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	-	62.520.000	187.200.000	-	-	-	249.720.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	71.108.484.424	71.108.484.424
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(27.782.829.500)	(27.782.829.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.931.042.000	2.931.042.000	(5.862.084.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.366.342.648)	(9.366.342.648)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.466.000.000)	(1.466.000.000)
Số dư cuối năm	155.000.000.000	130.816.873.000	-	14.997.827.402	11.716.923.958	79.030.080.276	391.561.704.636
Năm nay:							
Số dư đầu năm	155.000.000.000	130.816.873.000	-	14.997.827.402	11.716.923.958	79.030.080.276	391.561.704.636
Cổ phiếu phát hành trong năm	21.500.000.000	15.050.000.000	-	-	-	-	36.550.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	80.531.358.955	80.531.358.955
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(17.735.678.500)	(17.735.678.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.555.424.000	3.555.424.000	(7.110.848.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.020.962.955)	(11.020.962.955)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(2.000.400.000)	(2.000.400.000)
Số dư cuối năm	176.500.000.000	145.866.873.000	-	18.553.251.402	15.272.347.958	121.693.549.776	477.886.022.136

Trong năm, Tập đoàn đã phát hành 2.150.000 cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ lên 176.500.000.000 VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 5 năm 2011 và đã được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 7 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu được phép phát hành	17.650.000	176.500.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.650.000	176.500.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.650.000	176.500.000.000	15.500.000	155.000.000.000

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	80.531.358.955	71.108.484.424
Số lượng cổ phiếu bình quân	16.954.932	15.490.924
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.750	4.590

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu gộp	1.052.921.937.168	821.332.457.656
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	<i>754.666.547.459</i>	<i>626.144.354.521</i>
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	<i>297.543.261.322</i>	<i>194.876.485.856</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>712.128.387</i>	<i>311.617.279</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.329.515.761)	(7.964.863.786)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thành phẩm bị trả lại</i>	<i>(6.969.168.949)</i>	<i>(7.553.112.439)</i>
<i>Hàng hóa bị trả lại</i>	<i>(2.360.346.812)</i>	<i>(411.751.347)</i>
Doanh thu thuần	1.043.592.421.407	813.367.593.870
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	<i>747.697.378.510</i>	<i>618.591.242.082</i>
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	<i>295.182.914.510</i>	<i>194.464.734.509</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>712.128.387</i>	<i>311.617.279</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.640.883.339	1.863.693.362
Lãi tiền gửi	4.339.677.584	3.567.802.058
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	370.091.570	1.971.478.525
Cổ tức được chia	81.000.000	1.200.604.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	729.253.099
TỔNG CỘNG	9.431.652.493	9.332.831.044

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.950.914.818	23.170.805.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.258.947.217	5.972.759.636
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.330.776.654	5.232.549.856
Lỗ từ hoạt động đầu tư	2.427.933.330	750.938.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	131.907.654
Chi phí tài chính khác	195.981	-
TỔNG CỘNG	64.968.768.000	35.258.961.758

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.021.654.373	863.385.889
Thu từ bồi thường	927.342.389	2.286.681.550
Các khoản khác	3.939.807.419	2.104.076.335
	6.888.804.181	5.254.143.774
Chi phí khác		
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	(5.305.737.328)	(853.489.194)
Các khoản chi phí khác	(2.548.679.974)	(1.822.238.513)
	(7.854.417.302)	(2.675.727.707)
GIÁ TRỊ THUẦN	(965.613.121)	2.578.416.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tập đoàn là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong những năm tiếp theo. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	35.953.897.802	25.228.766.692
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	228.366.107	195.120.016
TỔNG CỘNG	36.182.263.909	25.423.886.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của năm kế toán khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	108.251.077.995	93.464.440.783
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán nội bộ	44.043.286.402	16.003.638.051
Các chi phí không được khấu trừ	11.952.292.060	8.447.671.535
Lỗ của các công ty con	6.836.334.362	238.778.552
Cổ tức nhận được	(81.000.000)	(1.200.604.000)
Chi phí phải trả	(5.008.300.640)	(5.733.304.029)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.875.276.003	(323.657.537)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(2.617.839.420)	(2.787.428.000)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.692.589.132	(2.221.159.555)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(123.055.827)	345.360.893
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.797.169.966)
Các khoản khác	-	150.129.318
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	167.820.660.067	104.586.696.045
Lỗ năm trước chuyển sang	(24.005.068.859)	(3.671.629.277)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	143.815.591.208	100.915.066.768
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	35.953.897.802	25.228.766.692
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.429.276.629	10.665.588.306
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	228.366.107	195.120.016
Thuế TNDN đã trả trong năm	(32.105.658.840)	(30.660.198.385)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	9.505.881.698	5.429.276.629
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	9.514.656.963	5.429.276.629
Thuế TNDN phải thu	(8.775.265)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ	15.547.417.906	5.693.993.618	9.853.424.288	5.693.993.618
Chi phí phải trả	773.385.381	1.903.687.921	(1.130.302.540)	(1.051.723.512)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.309.719.025	886.571.742	423.147.283	(555.290.054)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(696.857.000)	(42.397.145)	(654.459.855)	(696.857.000)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.857.357	65.863.485	(15.006.128)	65.863.485
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.294.066.882	155.152.166	2.138.914.716	14.367.394
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(449.292.452)
Lỗ năm trước chuyển sang	113.979.500	-	113.979.500	(113.979.500)
Tài sản thuế hoãn lại	19.392.569.051	8.662.871.787		
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			10.729.697.264	2.907.081.979

21.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ năm trước chuyển sang

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 7.075.112.914 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 24.243.847.411 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ năm trước chuyển sang (tiếp theo)

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VNĐ	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2011	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
2007	2012	817.232.331	(817.232.331)	-
2008	2013	7.900.187.524	(7.900.187.524)	-
2009	2014	18.885.087.395	(18.885.087.395)	-
2010	2015	238.778.552	-	238.778.552
2011	2016	6.836.334.362	-	6.836.334.362
TỔNG CỘNG		34.677.620.164	(27.602.507.250)	7.075.112.914

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 7.075.112.914 VNĐ do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị khoản thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	8.140.692.615	12.719.746.181
Từ 1-5 năm	13.357.750.939	20.502.998.572
Trên 5 năm	11.169.498.260	4.231.144.410
TỔNG CỘNG	32.667.941.814	37.453.889.163

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản nợ phải trả có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản		Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
	VND	Đô la Mỹ	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011			
	+100	+50	(3.219.104.916)
	-100	-50	3.219.104.916
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010			
	+100	+50	(2.197.717.645)
	-100	-50	2.197.717.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị thuần hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không có quản lý rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)</i>
Cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	+1	(671.450.456)
	-1	671.450.456
Cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	+1	(544.511.421)
	-1	544.511.421

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở đã trình bày, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban giám đốc Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Việc đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi chỉ được thực hiện với các ngân hàng đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày của báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	VND		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Vay	317.901.071.968	24.986.800.881	342.887.872.849
Phải trả người bán	55.715.671.720	-	55.715.671.720
Khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.759.521.928	-	16.759.521.928
	390.376.265.616	24.986.800.881	415.363.066.497
Ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Vay	197.356.152.696	24.869.315.036	222.225.467.732
Phải trả người bán	71.361.626.897	-	71.361.626.897
Khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	15.770.012.083	-	15.770.012.083
	284.487.791.676	24.869.315.036	309.357.106.712

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh <i>Có phiếu niêm yết</i> <i>(Thuyết minh số 5.1)</i>	14.162.266.787	(7.923.606.787)	20.577.646.158	(5.513.590.158)	6.238.680.000	15.064.056.000
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
<i>Có phiếu niêm yết</i>	5.100.000.000	(2.200.490.323)	5.100.000.000	(1.059.000.000)	2.899.509.677	4.041.000.000
<i>Có phiếu chưa niêm yết</i>	33.499.924.383	(7.564.012.608)	33.499.924.383	(3.792.210.218)	25.935.911.775	29.707.714.165
Phải thu khách hàng	53.785.439.232	(815.386.510)	41.962.634.080	(987.296.227)	52.970.052.722	40.975.337.853
Phải thu khác	1.023.170.506	-	3.761.442.349	-	1.023.170.506	3.761.442.349
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.780.886.340	-	37.398.608.177	-	80.780.886.340	37.398.608.177
TỔNG CỘNG	188.351.707.248	(18.503.496.228)	142.300.255.147	(11.352.096.603)	169.848.211.020	130.948.158.544

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay	342.887.872.849	222.225.467.732	342.887.872.849	222.225.467.732
Phải trả người bán	55.715.671.720	71.361.626.897	55.715.671.720	71.361.626.897
Khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.759.521.928	15.770.012.083	16.759.521.928	15.770.012.083
TỔNG CỘNG	415.363.066.497	309.357.106.712	415.363.066.497	309.357.106.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền trong tương lai sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý.

25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.



Hồ Ngọc Cảnh
Kế toán trưởng




Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012